

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H ỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2021/HS-ST

Ngày 23 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN H ỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH5 tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký pH5 tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Th2 Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Th2 Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia pH5 tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021;

Đối với bị cáo: **Nguyễn Xuân T**, sinh ngày 08/8/1974 tại: Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Th2 Tiên, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân Y và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là H6 Thị Th và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Tất Th, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn P, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T : Ông Trịnh Đình Hợp - Trợ giúp viên pháp lý, Công tác tại: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Th* : Bà Hoàng Thị Th1
 - Trợ giúp viên pháp lý, Công tác tại: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Trịnh Quốc H , sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Th3, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn G , sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Ph 2, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. H6 Thị Th1 , sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Th2 Tiến, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Nguyễn Tất A , sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn Ph 1, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Dương Văn Th2, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Th3, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

6. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn Th3, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

7. Nguyễn Đình T , sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn Ph 1, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

8. Nguyễn Văn S , sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn Ph 2, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

9. Nguyễn Thị T4 , sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn Ph 1, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

10. Ngô Thị Y , sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Th2, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

11. H6 Thị H5 , sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn Th2 Cần, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

12. Nguyễn Doãn T6, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Ph 2, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

13. Trịnh Thị H6 , sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn Ph1, Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH5 tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 21/9/2017, Nguyễn Xuân T sau khi cày xong đám ruộng của gia đình ở cánh đồng thuộc thôn Phú Hậu 2, xã X (nay là xã Trường Xuân), Huyện Th2 Xuân thì điều khiển máy cày để đi lên đường bê tông nội đồng. Lúc này Nguyễn Tất Th đang phơi rom trên đường nhựa thấy T lái máy cày đi

qua ruộng đã gieo trồng đậu của nhà mình nên Th đến gặp T. Khi đó T cũng vừa lái máy cày lên đến đường bê tông, hai bên xảy ra cãi nhau. T dùng máy cày lại thì bị Th dùng tay và đoạn gậy tre đánh vào tay, đầu và vùng mặt của T. Sau đó có chị Nguyễn Thị T4 (là vợ của Th) đến can ngăn, Th tiếp tục phơ rơm còn T lái máy cày ra đến đường nhựa thì dừng lại, rồi nhờ em dâu là Ngô Thị Y đi ngang qua chở xe máy về nhà.

Khi T về nhà, thì vợ T là H6 Thị Th1 hỏi lý do vì sao bị đánh, sau đó Th1 nhờ anh Dương Văn Th2 ở cùng thôn đi xe máy chở ra đồng tìm Th nói chuyện, còn T cầm 01 đoạn kim loại dạng hộp vuông rỗng phía trong ở ngoài đường (là công cụ dùng làm khuôn đúc chậu của nhà anh Th2) rồi đi xe máy ra đồng. T vượt lên phía trước xe của anh Th2. Đến nơi T để đoạn kim loại lên thùng xe chở rơm của Th, cùng lúc này thì anh Th2 và Th1 cũng đến nơi. Giữa T, Th1 và Th cãi nhau, thách thức đánh nhau nên có nhiều người đến xem và can ngăn. Khi đang cãi nhau, Trịnh Quốc H (gọi T là cậu) đi qua, thấy đông người nên dừng lại xem. H thấy T bị sưng ở mặt và thấy Th đang cầm gậy gầy rơm, nghĩ cậu mình bị Th đánh nên H tiến lại gần Th chửi "Sao mày đánh cậu tao" và dùng tay túm cổ áo Th đồng thời giằng co chiếc gậy gầy rơm mà Th đang cầm trên tay. Lúc này có anh Nguyễn Tất A, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn G cũng vào can ngăn. Trong khi giằng co chiếc gậy với Th, thì H có dùng chân thúc một cái vào vùng hạ bộ của Th làm Th bị đau, khom người xuống. Ngay lúc này, T cầm đoạn kim loại xông vào đánh một cái về phía Th, nhưng trúng vào mũ cối của Tất A đang đội trên đầu, T đánh tiếp một cái nữa thì trúng vào vùng đầu của anh Th làm anh Th bị tH2 chảy máu và gục xuống đường. Sau đó T dừng lại, cùng vợ lên xe máy bỏ về. Anh Th được người nhà đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa đến ngày 25/9/2017. T điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hợp Lực đến ngày 02/10/2017.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập ngày 22/9/2017 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa xác định tH2 tích của Nguyễn Tất Th như sau: Vùng đỉnh đầu có vết rách da, kích thước dài 5cm, đã khâu xử lý; Gò má trái có vết sưng nề đường kính 3cm; Bệnh nhân kêu đau vùng dương vật.

Ngày 17/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Th2 Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tH2 tích số 113/CSĐT đối với Nguyễn Tất Th. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tH2 tích số 448/2017/TTPY ngày 25/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Hiện tại tỉ lệ tổn tH2 cơ thể do tH2 tích gây nên của Nguyễn Tất Th là 11%.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập ngày 22/9/2017 tại Bệnh viện đa khoa Hợp Lực xác định tH2 tích của Nguyễn Xuân T như sau: Ngay sau vành tai trái có vết sưng nề, kích thước 2x3cm; Má phải sưng nề, kích thước 10x10cm; Gò má trái sưng nề, kích thước 3x5cm; Mặt ngoài 1/3 cẳng tay trái có vết sưng nề, kích thước 5x10cm; Hiện tại bệnh nhân được nẹp cổ cố định sau xem xét.

Ngày 23/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Th2 Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tH2 tích số 135/CSĐT đối với Nguyễn Xuân T. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tH2 tích số 538/2017/TTPY ngày

06/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tỷ lệ tổn thương do tH2 tích lũy nên của Nguyễn Xuân T là 0%.

Về phần dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Tất Th yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T bồi thường chi phí điều trị, tổn hại sức khỏe, tinh thần là 50.000.000 đồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Th số tiền 35.000.000 đồng; Anh Th đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Vật chứng vụ án gồm: 01 đoạn kim loại dạng hộp vuông rỗng phía trong, dài 100cm, cạnh rộng 3cm; 01 đoạn gậy chằng gậy rom, gồm một gậy tre dài 1,77m, đường kính rộng nhất là 3,5cm, một đầu gắn cố định chằng kim loại hình chữ A dài 55cm gồm hai cạnh kim loại đường kính 0,8cm; 01 mũ vải dạng mũ vành, màu vàng, có dòng chữ CP511; 01 mũ cối màu xanh, trên vành mũ có vết lõm kích thước 8x5cm, hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSTX ngày 01/12/2021 Viện kiểm sát nhân dân Huyện Th2 Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Cố ý gây tH2 tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại pH5 tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo không có ý kiến gì về nội dung kết luận giám định.

Bị hại Nguyễn Tất Th có ý kiến: Đồng ý với nội dung Cáo trạng nêu; về phần dân sự: Anh Th xác nhận ngày 20/12/2021 bị cáo T đã đến nhà xin lỗi và tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh số tiền là 35.000.000 đồng, nên anh không yêu cầu bồi thường gì thêm; Anh Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: TuY bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Cố ý gây tH2 tích”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 21 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 42 đến 48 tháng.

Về phần dân sự: Hai bên đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy đối với vật chứng gồm: 01 đoạn kim loại dạng hộp vuông rỗng phía trong, dài 100cm, cạnh rộng 3cm; 01 đoạn gậy chằng gậy rom, gồm một gậy tre dài 1,77m, đường kính rộng nhất là 3,5cm, một đầu gắn cố định chằng kim loại hình chữ A dài 55cm gồm hai cạnh kim loại đường kính 0,8cm; 01 mũ vải dạng mũ vành, màu vàng, có dòng chữ CP511; 01 mũ cối màu xanh, trên vành mũ có vết lõm kích thước 8x5cm.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: Thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo; nguY nhân phạm tội của bị cáo; thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo; bố bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại 35.000.000 đồng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo T được hưởng án treo ở mức thấp nhất dưới khung hình phạt, giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, để trở T công dân có ích cho xã hội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Th tranh luận: Đồng ý với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị lên cho bị cáo T một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

Bị cáo không tranh luận, đồng ý với ý kiến tranh luận của người bào chữa; Bị hại không tranh luận, đồng ý với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ mức hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa pH2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH5 tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định lại tH2 tích đối với bị hại Nguyễn Tất Th không có căn cứ, thực tế cũng không tiến hành giám định lại được do bị hại không chấp hành quyết định, nhưng Cơ quan điều tra lại ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can vì lý do nêu trên, dẫn đến vụ án bị kéo dài. Sau đó đến ngày 09/6/2021 Cơ quan điều tra đã ra quyết định phục hồi điều tra bị can, đến ngày 03/8/2021 ra quyết định hủy bỏ quyết định trưng cầu giám định lại. Vì phạm trên, mặc dù không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, tuy nH5 đã làm cho vụ án bị kéo dài, nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cần rút kinh nghiệm.

Đối với các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện, là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Xuân T tại pH5 tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xem xét dấu vết

trên thân thể, kết luận giám định về tH2 tích, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn trong việc Nguyễn Xuân T điều khiển máy cày đi qua ruộng đã gieo trồng đậu của gia đình Nguyễn Tất Th. Khi xảy ra tranh cãi, Th có dùng tay và đoạn gậy tre đánh T. Sự việc sau đó đã được can ngăn, T đã đi về nhà, nhưng do vẫn còn bức tức việc bị đánh, Nguyễn Xuân T đã cầm theo 01 đoạn kim loại (dạng hộp vuông rỗng phía trong dài 100cm) đi xe máy ra đồng tìm Th thách thức đánh nhau. Trịnh Quốc H, Nguyễn Tất A, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn G thấy vậy thì vào can ngăn, H có giằng co chiếc gậy gãy rom từ tay Th và dùng chân thúc một cái vào vùng hạ bộ của Th làm Th bị đau, khom người xuống đường. Lúc này Nguyễn Xuân T cầm đoạn kim loại xông vào để đánh Th, thì đánh trúng vào vùng đầu của Th, làm Th bị tH2 chảy máu và ngã gục xuống đường. Sau đó T bỏ đi về, còn anh Th được người nhà đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tH2 tích số 448/2017/TTPY ngày 25/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tỷ lệ tổn tH2 cơ thể do tH2 tích gây nên của Nguyễn Tất Th là 11%.

Bị cáo Nguyễn Xuân T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý, gây tH2 tích cho người khác bằng thanh kim loại (dạng hộp vuông rỗng phía trong, dài 100cm) là “hung khí nguy hiểm”, cùng với hậu quả gây tổn tH2 cơ thể cho bị hại Nguyễn Tất Th là 11%. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đã phạm vào tội “Cố ý gây tH2 tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Th2 Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Bị cáo biết rõ tác hại và sự nguy hiểm về hành vi của bản thân, nhưng vẫn cố ý thực hiện, gây nên tH2 tích cho bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vụ án xảy ra đã gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến an toàn xã hội. Do đó cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Ngoài ra, bị cáo có bố, mẹ đẻ đều là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân, HCH2 kháng chiến; bố bị cáo được công nhận là Liệt S, hiện tại do bị cáo đang trực tiếp thờ cúng và chăm sóc mẹ bị cáo tuổi cao (là vợ Liệt S). Do đó, bị cáo được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

NguY nhân xảy ra vụ án có phần lỗi của bị hại, khi xảy ra mâu thuẫn do việc T lái máy cày đi qua ruộng đậu nhà Th, lẽ ra Th phải báo cơ quan Công an giải quyết theo quy định, nhưng Th lại tìm T cãi nhau, dùng tay và đoạn gậy tre đánh vào tay, đầu và vùng mặt của T. Sự việc sau đó đã được can ngăn, T đã đi về nhà, nhưng do đang còn bức tức việc bị Th đánh, đã cầm 01 đoạn kim loại đi xe máy ra đồng tìm Th, đánh gây th2 tích cho Th, nên xảy ra vụ án.

Bị cáo Nguyễn Xuân T nhất thời phạm tội do bộc phát; là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian được tại ngoại tại địa pH2 bị cáo chấp hành pháp luật tốt và có mặt khi được các cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo được hưởng án treo và phải chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa pH2 nơi bị cáo cư trú, cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở T công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật. Xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại pH5 tòa là phù hợp.

[6] Về phần dân sự: Bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại Th số tiền 35.000.000 đồng, được bị hại xác nhận đã bồi thường xong và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, do đó không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án, gồm: 01 đoạn kim loại dạng hộp vuông rỗng phía trong, dài 100cm, cạnh rộng 3cm; 01 đoạn gậy chạng gậy rơm, gồm một gậy tre dài 1,77m, đường kính rộng nhất là 3,5cm, một đầu gắn cố định chạng kim loại hình chữ A dài 55cm gồm hai cạnh kim loại đường kính 0,8cm; 01 mũ vải dạng mũ vành, màu vàng, có dòng chữ CP511; 01 mũ cối màu xanh, trên vành mũ có vết lõm kích thước 8x5cm. Đây xác định là công cụ bị cáo T sử dụng phạm tội và là tang vật liên quan đến vụ án, không ai xin nhận lại và hiện không còn giá trị, nên cần tịch thu, tiêu hủy. Vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về các tình tiết liên quan vụ án:

Đối với hành vi của Trịnh Quốc H, khi đi ngang qua thấy cậu mình là Nguyễn Xuân T và Nguyễn Tất Th đang chửi bới nhau và có nhiều người đứng xem, nên H dừng lại, nhìn thấy T bị sưng ở mặt và Th đang cầm gậy gậy rơm, nghĩ là Th đánh T, nên H đi lại gần Th, dùng tay túm cổ áo Th và giằng co chiếc gậy với Th, trong lúc giằng co chiếc gậy với Th, H có dùng chân đạp vào hạ bộ của Th, nhưng không gây th2 tích cho Th. Sau đó mới có việc T cầm đoạn gậy kim loại xông vào đánh vào vùng đầu Th gây th2 tích cho Th. Quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Th2 Xuân đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung với nội dung làm rõ hành vi của Trịnh Quốc H, xác định xem

có đồng phạm với Nguyễn Xuân T không. Tuy NH5 sau khi đã tiến hành các hoạt động điều tra bổ sung theo quy định, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Th2 Xuân đánh giá hành vi của Trịnh Quốc H không đồng phạm với Nguyễn Xuân T, nên không xử lý trách nhiệm đối với H. Đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi H túm cổ áo Th, giằng co gây với Th, trong lúc giằng co gây có dùng chân đạp vào hạ bộ Th chỉ với mục đích giật gây từ tay Th, can ngăn không cho Th đánh T; Hành vi của H không gây nên TH2 tích cho Th; Việc H đạp Th cũng không nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho T đánh Th, nên không có cơ sở xác định H đồng phạm với T đánh gây TH2 tích cho bị hại Th, vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với H là phù hợp. Tuy NH5, xét hành vi của H là vi phạm pháp luật, cần phải xử lý vi phạm hành chính, nhưng do tính đến nay, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của Nguyễn Tất Th, do có mâu thuẫn với Nguyễn Xuân T, đã dùng tay và đoạn gãy tre đánh T, nhưng không gây tổn hại sức khỏe cho T (Tỷ lệ tổn TH2 cơ thể đối với T là 0%). Hành vi của Th cần phải xử lý vi phạm hành chính theo quy định, tuy NH5 do tính đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. TuY bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Cố ý gây TH2 tích”,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 21 (hai mươi một) tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuY án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Ủy ban nhân dân Xã T1, Huyện T2, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về phần dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 đoạn kim loại dạng hộp vuông rỗng phía trong, dài 100cm, cạnh rộng 3cm; 01 đoạn gậy chạng gậy rơm, gồm một gậy tre dài 1,77m, đường kính rộng nhất là 3,5cm, một đầu gắn cố định chạng kim loại hình chữ A dài 55cm gồm hai cạnh kim loại đường kính 0,8cm; 01 mũ vải dạng mũ vành, màu vàng, có dòng chữ CP511; 01 mũ cối màu xanh, trên vành mũ có vết lõm kích thước 8x5cm.

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Th2 Xuân, hiện trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 25 ngày 20/12/2021.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuY án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Huyện Th2 Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an Huyện Th2 Xuân;
- Chi cục THADS Huyện Th2 Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH5 TÒA**

Lê Minh Tiến